

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XNK KHAI MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XNK KHAI MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110186526

3. Ngày thành lập: 18/11/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

362 đường Bưởi, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989129622

Fax:

Email: khaiminhmanager@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (chi tiết: Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác, Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống))	4530
9.	Bán mô tô, xe máy (chi tiết: Bán lẻ mô tô, xe máy)	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (chi tiết: Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543
12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
13.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631

14.	Bán buôn thực phẩm (chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột và các thực phẩm khác)	4632
15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (chi tiết: Bán buôn vải, thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác, sản phẩm hàng may mặc, giày dép)	4641
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, hàng gốm, sứ, thủy tinh, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, dụng cụ thể dục, thể thao, dược phẩm và dụng cụ y tế, đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu)	4649
19.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
20.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện), máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi), máy móc, thiết bị y tế, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu)	4659
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (chi tiết: bán buôn quặng kim loại, sắt, thép, kim loại khác)	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: bán buôn cao su, tơ, xơ, sợi dệt, phụ liệu may mặc và giày dép, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu)	4669
26.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: trừ dịch vụ lấy lại tài sản, hoạt động của đấu giá viên)	8299
28.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
29.	Quảng cáo	7310

30.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: trừ tư vấn chứng khoán, thanh toán hối phiếu, hoạt động của nhà báo độc lập)	7490
31.	Bán buôn tổng hợp	4690(Chính)
32.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
33.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
34.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
35.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
36.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
37.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
38.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
39.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
40.	In ấn	1811
41.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
42.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
43.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
44.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
45.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
46.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
47.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
48.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
49.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
50.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
51.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
52.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
53.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
54.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
55.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
56.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
57.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
58.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
59.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
60.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930

61.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ (chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo, đồ uống, sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào, thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh, thủy sản tươi sống, đông lạnh, rau quả, thực phẩm chín lưu động hoặc tại chợ)	4781
62.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
63.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
64.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ (chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ)	4784
65.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
66.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Chi tiết: bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh, hàng gốm sứ, thủy tinh, hoa tươi, cây cảnh, hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồng hồ, kính mắt, xe đạp và phụ tùng, hàng hóa đã qua sử dụng, hàng hóa khác chưa được phân vào đâu, lưu động hoặc tại chợ)	4789
67.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
68.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
69.	Vận tải đường ống	4940
70.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
73.	Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
74.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: trừ vận tải hàng không)	5229
76.	Chuyển phát	5320
77.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
78.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
79.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
80.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
81.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
82.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
83.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

84.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
85.	Thu gom rác thải độc hại	3812
86.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
87.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
88.	Tái chế phế liệu	3830
89.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
90.	Xây dựng nhà để ở	4101
91.	Xây dựng nhà không để ở	4102
92.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
93.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
94.	Xây dựng công trình điện	4221
95.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
96.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
97.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
98.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
99.	Phá dỡ	4311
100.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
101.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
102.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
103.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
104.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
105.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, màu, véc ni, kính xây dựng, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh)	4752
106.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
107.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: bán lẻ Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự, đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh, nhạc cụ, đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh)	4759
108.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
109.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762

110.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
111.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
112.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh)	4771
113.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế, nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh, thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh)	4772
114.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh, hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ), đồng hồ, kính mắt, máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh, xe đạp và phụ tùng, hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh)	4773

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Ba tỉ đồng

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THU HÀNG	Khu phố Thượng, Phường Đình Bảng, Thành phố Tứ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	10,000	0271870020 64	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	30.000	300.000.000	10,000		
2	NGUYỄN HẢI YẾN	Thôn Gia Viễn, Xã Định Trung, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	20,000	0341930086 24	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	600.000.000	20,000		

3	TRẦN THỊ BÍCH NGÀ	số nhà 2, ngõ 437 đường Nguyễn Khang, tổ 4, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	10,000	012115794
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	30.000	300.000.000	10,000	
4	ĐINH VĂN SỸ	đường Võ Thị Sáu, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	30,000	0370670002 58
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	90.000	900.000.000	30,000	
5	TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG	Nhà B6, Khu tập thể xí nghiệp công trình 798, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	30,000	0311800038 85
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	90.000	900.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ BÍCH NGÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/05/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 012115794

Ngày cấp: 18/04/2013

Nơi cấp: CA Hà Nội

Địa chỉ thường trú: số nhà 2, ngõ 437 đường Nguyễn Khang, tổ 4, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: số nhà 2, ngõ 437 đường Nguyễn Khang, tổ 4, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội